Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: .....

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Bảo quản chế biến nông lâm sản

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lại Thị Ngọc Hà

2. Ngày tháng năm sinh: 02-10-1076; Nam ☐ ; Nữ ☑ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 31, phố Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Lại Thị Ngọc Hà, Bộ môn Hóa sinh – Công nghệ sinh học thực phẩm, Khoa Công nghệ thực phẩm, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, đường Ngô Xuân Quảng, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:.... ; Điện thoại di động: 0973829482 ;

E-mail: ltnha.cntp@vnua.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 8 năm 1999 đến tháng 01 năm 2001: Nghiên cứu viên, Xí nghiệp liên doanh FITOHOOCMON (nay là Công ty cổ phần phân bón FITOHOOCMON).

- Từ tháng 02 năm 2001 đến tháng 4 năm 2002: Nghiên cứu viên, Công ty cổ phần Công nghệ sinh học.
- Từ tháng 4 năm 2002 đến tháng 5 năm 2003: Giảng viên tập sự, Bộ môn Hóa sinh – Công nghệ sinh học thực phẩm, Khoa Công nghệ thực phẩm, Trường Đại học Nông nghiệp I (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).
- Từ tháng 6 năm 2003 đến tháng 8 năm 2005: Giảng viên, Bộ môn Hóa sinh – Công nghệ sinh học thực phẩm, Khoa Công nghệ thực phẩm, Trường Đại học Nông nghiệp I (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).
- Từ tháng 9 năm 2005 đến tháng 9 năm 2006: Học viên cao học tại Đại học Công giáo Louvain (Université Catholique de Louvain, UCLouvain), Vương quốc Bỉ; Giảng viên, Bộ môn Hóa sinh – Công nghệ sinh học thực phẩm, Khoa Công nghệ thực phẩm, Trường Đại học Nông nghiệp I (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).
- Từ tháng 10 năm 2006 đến tháng 6 năm 2007: Giảng viên, Bộ môn Hóa sinh – Công nghệ sinh học thực phẩm, Khoa Công nghệ thực phẩm, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).
- Từ tháng 7 năm 2007 đến tháng 12 năm 2008: Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Hóa sinh – Công nghệ sinh học thực phẩm, Khoa Công nghệ thực phẩm, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).
- Từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 5 năm 2014: Nghiên cứu sinh tại Đại học Công giáo Louvain (UCLouvain), Vương quốc Bỉ; Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Hóa sinh – Công nghệ sinh học thực phẩm, Khoa Công nghệ thực phẩm, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ tháng 5 năm 2014 đến tháng 7 năm 2014: Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Hóa sinh – Công nghệ sinh học thực phẩm, Khoa Công nghệ thực phẩm, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 3 năm 2018: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Hóa sinh – Công nghệ sinh học thực phẩm, Khoa Công nghệ thực phẩm, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 12 năm 2021: Giảng viên chính, Trưởng Bộ môn Hóa sinh – Công nghệ sinh học thực phẩm, Khoa Công nghệ thực phẩm, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ tháng 12 năm 2021 đến nay: Giảng viên chính, Phó trưởng khoa Công nghệ thực phẩm, Trưởng bộ môn Hóa sinh – Công nghệ sinh học thực phẩm, Khoa Công nghệ thực phẩm, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Chức vụ hiện nay: Phó trưởng khoa Công nghệ thực phẩm, Trưởng bộ môn Hóa sinh – Công nghệ sinh học thực phẩm, Khoa Công nghệ thực phẩm, Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa.
- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công nghệ thực phẩm, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, đường Ngô Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại cơ quan: 024.62617586
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 31 tháng 5 năm 1999; số văn bằng: B113257; ngành: Công nghệ thực phẩm....., chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 05 tháng 9 năm 2006; số văn bằng: .....; ngành: Khoa học và công nghệ thực phẩm, chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng ThS: Đại học công giáo Louvain, Vương quốc Bỉ.

- Được cấp bằng Tiến sỹ năm học 2013-2014; số văn bằng: .....; ngành: Khoa học Nông nghiệp và Kỹ thuật sinh học; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng Tiến sỹ: Đại học công giáo Louvain, Vương quốc Bỉ.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp – Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu xác định thành phần, cấu trúc hóa học, chức năng sinh học của các hợp chất có hoạt tính sinh học ở các nguồn nguyên liệu tự nhiên nhằm khai thác và ứng dụng trong nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu ảnh hưởng của việc chiếu tia UV đến sinh tổng hợp các hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn 07 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH từ cấp cơ sở. Ngoài ra, hoàn thành 02 đề tài quốc tế do quỹ International Foundation For Science (IFS), Thụy Điển tài trợ.

- Đã công bố 36 bài báo khoa học, trong đó 09 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): không.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong thời gian công tác tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, tôi tự nhận thấy mình có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt. Tôi luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tuân thủ nội quy, quy định của cơ quan công tác; phục tùng sự phân công và điều động của cấp trên. Về chuyên môn nghiệp vụ, tôi luôn cầu thị, nỗ lực cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ để ngày càng đáp ứng tốt hơn nữa chuẩn nghề nghiệp nhà giáo. Tôi luôn có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt các công việc được cấp trên giao. Tôi luôn cố gắng phối hợp tốt với đồng nghiệp, xây dựng sự đoàn kết trong đơn vị công tác, nhiệt tình trong công tác hỗ trợ các đồng nghiệp mới. Đối với sinh viên, tôi luôn thể hiện sự đúng mực, tận tình, khuyến khích sinh viên chủ động tiếp nhận, học hỏi, khám phá kiến thức thông qua các hoạt động hỏi đáp trên lớp, seminar, thực tập nghề nghiệp và các nghiên cứu trong phòng thí nghiệm. Kết quả học tập của sinh viên được tôi đánh giá đúng theo quy định, khách quan và minh bạch. Tôi thực hiện tốt các nhiệm vụ liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng của đơn bị công tác bao gồm: tham gia rà soát, cải tiến chương trình đào tạo; tham gia viết báo cáo tự đánh giá chương trình đạo tạo theo chuẩn quốc tế và của Việt Nam. Trong công tác nghiên cứu khoa học, tôi thực hiện trung thực, khách quan và tôn trọng bản quền tác giả. Trong công tác quản lý, tôi thực hiện nghiêm túc yêu cầu của cấp trên và báo cáo trung thực; tư vấn cấp trên hiệu quả và kịp thời. Đối với bộ môn được phân công quản lý, tôi xây dựng các định hướng hoạt động chuyên môn, lên kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát tốt các công việc được giao. Tôi luôn tích cực mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước. Tôi có lối sống giản dị, khiêm tốn, hòa đồng và tự nhận thấy có đủ sức khỏe để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm 02 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019				16	465	20	485/991/216
2	2019-2020				16	300	20	320/934,1/216
3	2020-2021				17	308	20	328/875,3/216
03 năm học cuối								
4	2021-2022				20	210	0	210/947,5/202,5
5	2022-2023			1	21	180	30	210/953,6/189
6	2023-2024			2	16	150	15	165/682,9/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☑

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

Bảo vệ luận văn ThS ☑ và luận án TS ☑ hoặc TSKH ☐; tại Vương quốc Bỉ năm 2006 (Thạc sỹ) và năm 2014 (Tiến sỹ).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy:

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Hoài		x	x		02/10/2015 – 01/4/2016	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	19/10/2016
2	Ngô Thị Huyền Trang		x	x		31/10/2016 – 27/5/2017	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	18/9/2017
3	Phạm Thị Luyến		x	x		28/9/2017 – 15/5/2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	25/9/2018
4	Nguyễn Thị Tuyết		x	x		28/9/2017 - 15/5/2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	25/9/2018
5	Janet Taiobo Algumassa		x	x		25/02/2022 - 29/6/2023	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	15/9/2023
6	Nguyễn Thị Thùy Trang		x	x		28/12/2022 – 15/12/2023	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	15/3/2024
7	Mutua Stephen Mutida *(dự án VLIR)*		x	x		20/3/2023 – 15/12/2023	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	15/3/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Hóa học thực phẩm	Sách giáo trình	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp	03	Ngô Xuân Mạnh và Lại Thị Ngọc Hà	89-237	Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách số 1175/HVN-NXB ngày 25/6/2024 của Phó giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu tách và tạo chế phẩm bromelain từ phế phụ phẩm dứa	Chủ nhiệm	T2008-08-32, đề tài cấp Trường (nay là cấp Học viện)		9/4/2009 Xếp loại Tốt
2	Nghiên cứu sản xuất nước ép cà rốt	Chủ nhiệm	T2008-08-34-TT, đề tài cấp Trường		19/6/2009 Xếp loại Tốt

			(nay là cấp Học viện)		
3	Tối ưu hóa quá trình tách chiết và làm sạch piceatannol, một stilbene có hoạt tính sinh học cao từ quả sim, ứng dụng trong công nghiệp thực phẩm	Chủ nhiệm	T2013-09-32, đề tài cấp Trường (nay là cấp Học viện)	12/2013-12/2014	31/12/2014 Xếp loại Tốt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1					

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	**Trước khi được công nhận TS**							
1	Ảnh hưởng của hàm lượng aminoacid của dịch đường đến các đặc tính kỹ thuật của nấm men bia	4	Đồng tác giả	Tạp chí khoa học và công nghệ	TCVN		22, 37-40	1999
2	Một số yếu tố có ảnh hưởng đến khả năng sinh tổng hợp gamma-decalacton của chủng nấm men *Yarrowia lipolytica* W29	1	Tác giả chính	Tạp chí khoa học kỹ thuật nông nghiệp	TCVN		1(3), 222-227	2003

3	Nghiên cứu tách và tạo chế phẩm bromelain từ phế phụ phẩm dứa	1	Tác giả chính	Tạp chí khoa học và phát triển	TCVN		7(2), 203-211	2009
4	Stress oxi hóa và các chất chống oxi hóa tự nhiên	2	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và phát triển	TCVN		7(5), 667-677	2009
5	Mô hình hóa quá trình chiết polyphenol từ quả sim thu hái tại Hòa Bình	3	Tác giả chính	Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm	TCVN		6(3+4), 191-201	2010
6	Mô hình hóa quá trình chiết polyphenol từ vỏ vải	3	Tác giả chính	Tạp chí khoa học và phát triển	TCVN		8(6), 994-1003	2010
7	Khả năng kháng oxi hóa của một số giống khoai tây (*Solanum tuberosum* L.), có nguồn gốc Nam Mỹ	3	Tác giả chính	Tạp chí khoa học và phát triển	TCVN		9(3), 422-430	6/2011
8	Khảo sát và so sánh hàm lượng pentosan trong một số loại hạt ngũ cốc ở Việt Nam	5	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học và phát triển	TCVN		10(5), 758-763	7/2012
9	Piceatannol, a potent bioactive stilbene, as major phenolic component in *Rhodomyrtus tomentosa*	7	Tác giả chính	Food chemistry	ISI (IF = 8,8; Q1)	107	138(2-3), 1421-1430	2013 (available online 11/2012)
II	**Sau khi được công nhận TS**							
10	Optimisation of extraction of piceatannol from *Rhodomyrtus tomentosa* seeds using response surface methodology.	6	Tác giả chính	Separation and purification technology	ISI (IF = 8,6; Q1)	36	134, 139-146	2014 (available online 7/2014)

11	Nutritional composition and antioxidant properties of the sim fruit (*Rhodomyrtus tomentosa)*	6	Tác giả chính	Food Chemistry	ISI (IF = 8,8; Q1)	104	168, 410-416	2015 (available online 7/2014)
12	Tác dụng diệt khuẩn của dịch chiết lá sim và hạt sim (*Rhodomyrtus tomentosa*) đối với vi khuẩn gây bệnh hoại tử gan tụy cấp trên tôm nuôi nước lợ	3	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học và Phát triển	TCVN		13(7), 1101-1108	10/2015
13	Tối ưu hóa điều kiện tách chiết các hợp chất polyphenol có tính chống oxi hóa cao từ cây sim (*Rhodomyrtus tomentosa* (Ait.) Hassk) thu thập ở vùng đồi núi Chí Linh, Hải Dương	6	Đồng tác giả	Tạp chí sinh học	TCVN		37(4), 509-519	2015
14	Phenolic compounds and health benefits	1	Tác giả chính	Vietnam Journal of Agricultural Science	TCVN		14(7), 1107-1118	8/2016
15	Ultrasound-assisted extraction and anticancer activity of piceatannol from *Passiflora edulis* seed	4	Tác giả chính	Vietnam Journal of Agricultural Science	TCVN		14(7), 1016-1025	8/2016
16	Ultrasound-assisted extraction and anticancer activity of piceatannol from sim (*Rhodomyrtus tomentosa*) seed	4	Tác giả chính	Kỷ yếu hội thảo quốc tế "Agriculture development in the context of international integration: Opportunities and challenges".	TCVN		220-227	12/2016

				Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp. ISBN: 978-604-924-245-8.				
17	Ảnh hưởng của một số yếu tố công nghệ đến tách chiết polyphenol kháng oxi hóa từ quả chuối hột	4	Tác giả chính	Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam	TCVN		15(5), 673-680	5/2017
18	Screening antibacterial effects of Vietnamese plant extracts against pathogens caused acute hepatopancreatic necrosis disease in shrimps	6	Đồng tác giả	Asian journal of pharmaceutical and clinical research	Scopus (Q4)	13	11 (5), 77-83	1/2018
19	Ảnh hưởng của độ chín đến hàm lượng polyphenol và khả năng kháng oxi hóa của các bộ phận quả chuối hột thu hái tại Nam Định	3	Tác giả chính	Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam	TCVN		16(10), 904-910	2018
20	Đánh giá khả năng kháng vi khuẩn gây bệnh hoại tử gan tụy cấp của một số loại thảo dược Việt Nam	5	Đồng tác giả	Kỷ yếu Hội nghị khoa học và công nghệ chuyên ngành thủy sản giai đoạn 2013-2018. Nhà xuất bản Thanh niên. ISBN: 978-604-970-360-7	TCVN		338-346	9/2018
21	Optimization of chlorogenic acid extraction from green coffee beans using	5	Tác giả chính	Vietnam journal of agricultural sciences	TCVN		2(1), 332-342	3/2019

	response surface methodology							
22	Efficacy of myrtle seed (*Rhodomyrtus tomentosa*) extract against Acute Hepatopancreatic Necrosis Disease (AHPND) in Pacific whiteleg shrimp (*Penaeus vannamei*)	5	Đồng tác giả	Journal of aquatic animal health	ISI (IF = 1,2; Q3)		31(4), 311-319	7/2019
23	UVB exposure induced accumulation of phenolics and resveratrol and enhanced antioxidant capacity in peanut sprouts	8	Đồng tác giả	Carpathian journal of food science and technology	Scopus (IF = 0,5; Q4)	7	12(1), 89-101	2/2020
24	Sustainable cultivation via waste soybean extract for higher vaccenic acid production by purple non-sulfur bacteria	10	Đồng tác giả	Clean technologies and environmental policy	ISI (IF = 4,3; Q2)	7	23, 103–112	2021 (published online 11/2020)
25	Đặc điểm hóa lý của hạt và dầu mướp đắng trích ly bằng ethyl acetate.	6	Đồng tác giả	Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam	TCVN		19(6), 764-772	4/2021
26	Phytochemical analysis and antioxidant and alpha-glucosidase inhibitory activities of the stem bark of *Dialium cochinchinense* Pierre.	6	Đồng tác giả	Vietnam journal of agricultural sciences	TCVN		5(1), 1375-1388	2/2022
27	Phenolic extracts from Myrtaceae leaves improve the quality and shelf-life	4	Tác giả chính	Vietnam journal of agricultural sciences	TCVN		5(4), 1645-1659	12/2022

	of Pacific whiteleg shrimp							
28	Effects of post-harvest UV-B irradiation on phenolic content and antioxidant activity of *Rhodomyrtus tomentosa* fruit	4	Tác giả chính	Brazilian journal of food technology			26, e2022073	2023 (accepted 12/2022)
29	Ảnh hưởng của một số yếu tố công nghệ đến quá trình trích ly dầu từ thịt quả trám đen *Canarium tramdenum* Dai and Yakovl. Hương Sơn (Hà Tĩnh)	4	Tác giả chính	Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam			21(1), 104-113	1/2023
30	Dimethyl cardamonin from *Cleistocalyx operculatus* leaves: optimised extraction conditions and inhibitive activity against food poisoning bacteria	4	Tác giả chính	Carpathian journal of food science and technology	Scopus (IF = 0,5; Q4)		15(2), 53-65	5/2023
31	Nutritional composition and antioxidant activity of *Dialium cochinchinese* Pierre fruit	5	Tác giả chính	Kỷ yếu Hội nghi khoa học quốc gia Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm tự nhiên lần thứ 8 năm 2023. Nhà xuất bản khoa học tự nhiên và công nghệ. ISBN: 978-604-357-224-7	TCVN		9-19	11/2023
32	Effect of post-harvest UV-C irradiation of phytochemicals and antioxidant capacity	2	Tác giả chính	Kỷ yếu Hội nghi khoa học quốc gia Nghiên cứu và phát triển các	TCVN		41-50	11/2023

	of celery (*Apium graveolens* L.)			sản phẩm tự nhiên lần thứ 8 năm 2023. Nhà xuất bản khoa học tự nhiên và công nghệ. ISBN: 978-604-357-224-7				
33	Tối ưu hóa quá trình tách chiết polyphenol từ cây mã đề (*Plantago major* L.)	3	Tác giả chính	Kỷ yếu Hội nghị khoa học công nghệ sinh học toàn quốc 2023. Nhà xuất bản khoa học tự nhiên và công nghệ. ISBN: 978-604-357-176-9	TCVN		230-234	10/2023
34	Nghiên cứu tách chiết dầu và piceatannol từ hạt chanh leo.	1	Tác giả chính	Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam	TCVN		22(1), 82-93	1/2024
35	Exploitation of catechin extract from pruned tea leaves as a promising food preservative against lipid oxidation	4	Tác giả chính	Vietnam journal of agricultural sciences	TCVN		7(1), 2040-2051	3/2024
36	Polyphenols from tropical almond leaves (*Terminalia catappa* L.): Optimized extraction conditions and α-glucosidase inhibitory activity	4	Đồng tác giả	Vietnam journal of agricultural sciences	TCVN		7(1), 2064-2075	3/2024

- Trong đó: có 04 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS bao gồm các bài có số thứ tự 10, 11, 28, 30.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

1	Tham gia rà soát, cải tiến chương trình đào tạo Công nghệ và kinh doanh thực phẩm	Tham gia	Quyết định số 1783/QĐ-HVN ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Phó giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 4956/QĐ-HVN ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Phó giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Link chương trình: https://file.vnua.edu.vn /data/21/documents /2024/04/08/btvcntp /31-28-12-2023-cnkdtp-ban-dac-ta-chuong-trinh.pdf
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (ƯV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội , ngày 24 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Lại Thị Ngọc Hà